海鲜 傍晚 舒适
hǎixiān bàngwǎn shūshì

HSK 5 - L3 - 2/3

干活儿

gànhuór

tàitai

lùdì gèzì

时刻 着火 漏

随时 闪电 击 拥抱 yōngbào suíshí 与阶 未来 太太

táijiē

wèilái

hǎilǐ